

Ng Thị Hạnh

By qnujs

WORD COUNT

9811

TIME SUBMITTED

28-JUL-2025 09:34AM

PAPER ID

117438875

85

Value Chain Analysis of Dung Tea in Van Canh District, Binh Dinh province

ABSTRACT

Dung tea (tra Dung) is a medicinal plant that has garnered significant attention and development in Van Canh District, Binh Dinh Province—not only due to its abundant natural harvesting potential, but also because local residents have begun cultivating and processing Dung tea into a distinctive local product. This plant provides substantial economic benefits to farming households and other stakeholders along the product's value chain. An analysis of the Dung tea value chain in Van Canh reveals that approximately 497.7 tons of Dung tea are harvested annually, and processed into a variety of products. These activities generate an average annual income of 94.73 million VND per professional harvester, 141.7 million VND per harvester household, and 49.54 million VND per local collector. Processing facilities offer employment opportunities for over 50 local workers. The formation and development of the Dung tea value chain in Van Canh has significantly improved incomes and living standards in the mountainous commune of Canh Lien. However, the current stage of development remains well below its full potential, with various challenges emerging that demand strong efforts and a committed resolution from all stakeholders in the value chain, as well as coordinated support from local authorities and relevant government agencies.

Keywords: *Dung tea, value chain, value chain analysis, value added, Van Canh District.*

Phân tích chuỗi giá trị cây trà Dung tại huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định

TÓM TẮT

Cây trà Dung là cây được liệu nhận được nhiều sự quan tâm và phát triển nhất ở huyện Vân Canh, tỉnh B⁴⁹ Định không phải chỉ bởi tiềm năng thu hái tự nhiên rất lớn mà còn do ¹ rười dân tại Vân Canh đang triển khai mô hình trồng và chế biến trà dung thành sản phẩm đặc sắc ở địa phương. Đây là loại cây mang lại giá trị kinh tế cao cho nông hộ và các tác nhân khác của chuỗi giá trị sản phẩm. Kết quả phân tích ⁸² giá trị cây trà Dung tại Vân Canh cho thấy ¹ ối năm, lượng trà Dung được thu hái ở Vân Canh là 497,7 tấn và được chế biến thành nhiều sản phẩm đa dạng mang lại thu nhập trung bình hàng năm 94,73 tr¹ trên một người chuyên thu hái; 141,7 triệu đồng trên m⁷³ chuyên thu hái; 49,54 triệu đồng cho ngư²¹ huyện thu gom ở địa phương. Các cơ sở chế biến cung cấp cơ hội ¹ làm cho hơn 50 lao động ở địa phương. Sự hình thành và phát triển chuỗi giá trị cây trà Dung ở Vân Canh đã góp phần cải thiện đáng kể thu nhập và mức sống dân cư ở xã vùng cao Canh Liên của ¹ huyện Vân Canh. Tuy nhiên, trình độ phát triển hiện nay còn rất thấp dưới mức tiềm năng, và bộc lộ nhiều vấn đề đòi hỏi những nỗ lực mạnh mẽ và quyết tâm giải quyết của tất cả các chủ thể trong chuỗi giá trị, cùng với các tổ chức có liên quan từ chính quyền địa phương đến các cấp ban ngành phối hợp thực hiện.

Từ khóa: cây trà Dung, chuỗi giá trị, phân tích chuỗi giá trị, giá trị gia tăng, huyện Vân Canh.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cây trà Dung có tên khoa³⁵ học là Syplocos racemosa Roxb, thường được gọi là cây chè dung, ³⁹ lang, chè đại, hoặc cây duối gia. Giống ⁵⁹ này mọc phổ biến ở khắp các tỉnh miền Bắc (Quảng Ninh), Bắc Trung bộ (Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh), ở Lào, Campuchia, ở Ấn Độ, Nam Trung Quốc...¹

Trà Dung là cây được liệu lành tính có thể dùng để nấu nước uống giải khát, mát gan h³⁵ ngày và cũng có nhiều công dụng chữa bệnh đau bụng, đau mắt và r¹ vết loét, rong kinh. Tại Ấn Đ³⁹ vò cây trà Dung còn được dùng sắc uống chữa cơ từ ² cũng bị dân, tiểu tiện ra đường chấp.^{1,2}

Vân Canh là huyện miền núi nằm về phía Tây nam tỉnh Bình Định, có ²⁵ tích 798 km², dân số hơn 28.000 người.³ Là huyện miền núi còn nhiều khó khăn về cơ sở hạ tầng nhưng nhờ tập trung phát triển các mô hình kinh tế đặc trưng nên thu nhập của người dân V¹⁷ Canh đang dần được nâng cao. ⁷⁵ u cầu các sản phẩm được liệu tăng cao đang mở ra hướng sản xuất mới, tạo công ăn việc làm, mang lại thu nhập tốt, có cơ hội thoát nghèo cho đồng bào thiểu số Vân Canh. Trong số ⁴² sản phẩm được liệu ở Vân Canh, cây trà Dung nhận được nhiều sự quan tâm và phát triển nhất, không bởi chỉ tiềm năng thu hái tự nhiên rất ⁴⁹ mà người dân tại Vân Canh đang triển khai mô hình trồng và chế biến trà Dung thành sản phẩm đặc sắc ở địa phương.

Phát triển sản phẩm trà Dung là phù hợp với quy hoạch định hướng phát triển của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1976/QĐ-TTg ngày 30

tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển được ¹ đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030. Việc nghiên cứu chuỗi giá trị cây trà Dung ở huyện Vân Canh nhằm phân tích hoạt động của tất cả các tác nhân tham gia trong chuỗi, nhận diện được những thuận lợi và khó khăn, từ đó tìm ra các giải pháp góp phần nâng cấp chuỗi, tăng giá trị và cải thiện thu nhập cho dân cư là cần thiết. Tuy nhiên, cho đến nay, chưa có nghiên cứu nào phân tích mô hình li¹ kết chuỗi giá trị cây trà Dung tại Vân Canh. Đây chính là khoảng trống nghiên cứu mà nhóm tác giả qua ¹ tâm và thực hiện trên địa bàn huyện Vân Canh. Kết quả nghiên cứu này được kỳ vọng mang lại ý nghĩa thực tiễn cao, góp phần phát triển bền vững chuỗi giá trị cây trà Dung tại Vân Canh, tỉnh Bình Định.

2. PHƯƠNG PHÁP

2.1. Phương pháp tiếp cận

Nghiên cứu sử dụng phân tích chuỗi giá trị như là một công cụ hữu hiệu nhằm tìm ra cách kết nối thị trường tốt nhất và bền vững cho nông sản, nâng cao giá trị gia tăng cho ch¹³ đặc biệt là cho người thu hái và chế biến trà Dung tại huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định.

Trong lĩnh vực nghiên cứu chuỗi giá trị được liệu, có một số nghiên cứu ở nước ngoài có giá trị tham khảo cao như nghiên cứu của Anthony Booker và ctg (2012)⁴, Mebrahtu Hishe và ctg (2016)⁵, Korrakot Y. Tippayawong và ctg (2017)⁶. Ở trong nước, cũng có nhiều nghiên cứu về chuỗi giá trị cây được liệu như nghiên cứu của Trần Trung Vỹ và ctg (2018)⁷; Huỳnh Bảo Tuấn và cộng sự, (2013)⁸, Ngô Văn Nam (2010)⁹, Nguyễn Thị Hạnh

và ctg (2021)¹⁰, Nguyễn Tấn Đạt và Nguyễn Thị Hạnh (2023)¹¹ ...

Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả đã lựa chọn cách tiếp cận của các chuyên gia của tổ chức Eschborn GTZ (GTZ, 2007)¹² và theo hướng dẫn của (M4P, 2008)¹³ với mục ¹¹⁸ phân tích và tìm giải pháp tăng thêm cơ hội ¹¹⁹ tham gia và hưởng lợi ¹²⁰ của những người nghèo và người yếu thế trong chuỗi giá trị cây trà Dung tại huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định.

2.2. Thu thập số liệu

Nghiên cứu sử dụng ³⁴ thông tin thứ cấp từ các nguồn tài liệu có sẵn của các cơ quan quản lý

Nhà nước ở ² Vân Canh như: UBND huyện Vân Canh, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Thống kê huyện Vân Canh, UBND xã, văn phòng thống kê, địa chính nông nghiệp, Hội nông dân của ² xã trong huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định; Các bài báo, báo cáo nghiên cứu về tình hình trồng và tiêu thụ được liệt kê trên các báo, tạp chí trong nước và nước ngoài; Các văn bản pháp quy; Các trang thông tin chính sách giá cả, thị trường cung ứng được liệt kê của nhà nước; Niên giám thống kê,...

Thông tin sơ cấp được thu thập thông qua nghiên cứu tại địa bàn (thực địa) và điều tra phỏng vấn dựa trên bảng câu hỏi.

¹¹⁰
Bảng 1. Đối tượng khảo sát và phương pháp chọn mẫu

¹ STT	Tác nhân trong chuỗi	Cỡ mẫu	Phương pháp chọn mẫu
1	Hộ thu hái	64	Phương pháp thuận tiện
2	Người thu gom	5	Liên kết chuỗi của GTZ (2007)
3	Cơ sở chế biến	4	Liên kết chuỗi của GTZ (2007)
4	Người bán sỉ	4	Liên kết chuỗi của GTZ (2007)
5	Người bán lẻ	5	Liên kết chuỗi của GTZ (2007)
Tổng số		82	

Tác giả cũng tổ chức ² cuộc thảo luận nhóm tập ⁵⁸ tại địa phương và phỏng vấn sâu các chuyên gia của các cơ quan quản lý nhà nước, trường đại học và doanh nghiệp.

2.3. Phân tích số liệu

Nghiên cứu sử dụng các phương pháp thống kê mô tả số tuyệt đối, tương đối, bình quân để tính toán và mô tả thực trạng thu hái và chế biến các sản phẩm từ cây trà Dung tại huyện Vân Canh.

Dựa vào ¹³ nhu cầu đánh giá chuỗi giá trị cây trà Dung, giới hạn khả năng và ⁴ thời gian nghiên cứu, các tác giả đã lựa chọn các nội dung nghiên cứu và thiết kế quy trình phân tích chuỗi bao gồm các bước sau:

- ³ Bước 1: Xác định tính ưu tiên lựa chọn phân tích chuỗi giá trị cây trà Dung tại huyện Vân Canh
- ¹⁶ Bước 2: Lập sơ đồ chuỗi giá trị cây trà Dung Vân Canh
- ⁵ Bước 3: Phân tích chi phí, doanh thu và lợi nhuận của cơ sở chế biến trà Dung
- ²² Bước 4: Phân tích hiệu quả của các tác nhân trong chuỗi giá trị cây Trà Dung
- ³ Bước 5: Phân tích liên kết trong chuỗi giá trị cây trà Dung

Mô hình AHP ¹⁵ được sử dụng để tính mức độ quan trọng của các tiêu chí trong quyết định chọn chuỗi giá trị để phân tích.

⁵⁵ ¹ Nguồn: Khảo sát và tính toán của các tác giả. Các chỉ tiêu được sử dụng trong phân tích chi phí - lợi ích và hiệu quả là: ^{12,13}

Doanh thu (DT) = Giá bán X Sản lượng

Tổng chi phí (TCP) = ⁹ Chi phí trung gian (CPTG) + Chi phí tăng thêm (CPTT)

Giá trị gia tăng (GTGT) = DT - CPTG

Giá trị gia tăng thuần (GTGTT) = GTGT - CPTT

Tỷ suất lợi nhuận/DT = GTGTT : DT

Suất sinh lời của chi phí = GTGTT : TCP

Do toàn bộ các nghiên cứu và dữ liệu thu thập trước thời điểm sáp nhập các đơn vị hành chính trong năm 2025 nên các địa danh và dữ liệu của bài báo được trình bày theo phân bố đơn vị hành chính cũ.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Xác định tính ưu tiên lựa chọn phân tích chuỗi giá trị cây trà Dung tại huyện Vân Canh

7 tiêu chí do nhóm tác giả đề xuất ban đầu dựa trên hướng dẫn của GTZ (2007)¹², M4P (2008)¹³ và kinh nghiệm ¹⁰⁴ của các tác giả trong ngành được 100% các chuyên gia được phỏng vấn đồng ý và các chuyên gia cũng góp ý bổ sung thêm 1 tiêu chí:

- 1> Số lao động hiện đang tham gia
- 2> Khả năng nhân rộng
- 3> Rủi ro

- 4> Tiềm năng tăng trưởng của nhu cầu thị trường
 5> Khả năng phát triển đa dạng các sản phẩm
 6> Rào cản tham gia (vốn, kiến thức) đối với người nghèo
 7> Thu nhập/đầu tư
 8> Tính bền vững về môi trường
- 3 chuỗi giá trị có tiềm năng hiện nay ở Vân Canh được đưa vào phân tích và lựa chọn: heo đen, thổ cẩm và trà Dung.^{3,14}
- Sử dụng kỹ thuật AHP¹⁵, nhóm tác giả xác định được bộ trọng số:

0,22
0,23
0,11
0,09
0,08
0,08
0,06
0,12

Chỉ số nhất quán CR = 0,088 < 0,1 nên bộ trọng số tìm được được chấp nhận.

Bảng 2. Bảng đánh giá lựa chọn CGT để phân tích

TIÊU CHÍ	Mức độ quan trọng	Xếp hạng (thấp nhất: 1; cao nhất: 3)		
		Trà Dung	Heo đen	Thổ cẩm
"Số lao động hiện đang tham gia"	0,22	3	1	2
"Khả năng nhân rộng"	0,23	3	2	1
"Rủi ro (thiên tai, thị trường)"	0,11	2	1	3
"Tiềm năng tăng trưởng của nhu cầu thị trường"	0,09	2	3	1
"Khả năng phát triển đa dạng các sản phẩm"	0,08	2	1	3
"Rào cản tham gia (vốn, kiến thức) đối với người nghèo"	0,08	3	1	2
"Tính bền vững về môi trường"	0,06	2	1	3
"Thu nhập/đầu tư"	0,12	2	3	1
Tổng cộng	1,00	2,54	1,65	1,81

Nguồn: Khảo sát và tính toán của các tác giả

Kết quả đánh giá cho thấy, CGT cây trà Dung có điểm đánh giá cao nhất là 2,54 và đã được tác giả lựa chọn để phân tích.

3.2. Sơ đồ chuỗi giá trị cây trà Dung tại Vân Canh

Kết quả khảo sát cho thấy, các tác nhân tham gia vào chuỗi giá trị cây trà Dung Vân Canh gồm có: người thu hái (các nông hộ và nhân nông hộ), người thu gom, người chế biến, người bán sỉ, người bán lẻ, và người tiêu thụ sản phẩm (người tiêu dùng nội địa và người tiêu dùng nước ngoài).

- Người thu hái:

Hoạt động thu hái trà Dung được thực hiện nhiều lần trong năm, chủ yếu vào mùa hè và mùa thu. Đây là thời điểm lá trà không quá non mà cũng không quá già, lại thuận tiện cho việc hong khô. Thời gian thu hái trà Dung trong năm là 6 tháng. Số người tham gia thu hái trà Dung trong một hộ trung bình là 1,5 người,

lượng trà thu hái trung bình một người trong một ngày là 200kg.

Trong toàn huyện Vân Canh, theo kết quả khảo sát có tổng số 62 người có hoạt động thu hái trà Dung hàng hóa, chủ yếu tập trung ở làng Cát nơi có nhiều cây trà Dung nhất (chiếm 83% tổng số hộ thu hái ở cả 6 làng của xã Canh Liên). Theo mức độ tham gia thu hái, có thể chia thành 3 nhóm: các hộ chuyên thu hái (20 ngày/tháng), các hộ thỉnh thoảng thu hái (3 ngày/tháng) và các hộ ít tham gia thu hái (0,5 ngày/tháng).

Trong đó, số lượng phụ nữ tham gia thu hái là 21 người (chiếm 33,87%). Độ tuổi trung bình của người thu hái là 30,5 tuổi. Lượng chè thu hái bình quân và thu nhập trung bình của từng hộ, của cả xã được tính như trong Bảng 3. Hiện nay, giá trà Dung tươi mà người thu hái bán ngay tại Canh Liên trung bình là 5.250 đ/kg.

Bảng 3. Số hộ, lao động và sản lượng thu hái trà Dung tại Vân Canh.

Loại hộ theo mức độ tham gia	Số hộ	Tần suất thu hái (ngày/tháng)	Số ngày thu hái trong năm	Số công thu hái/năm/hộ	Sản lượng thu hái/hộ (tấn)	Sản lượng thu hái (tấn)
------------------------------	-------	-------------------------------	---------------------------	------------------------	----------------------------	-------------------------

Hộ chuyên thu hái	9	20	120,00	180,00	36,00	324,00
Hộ thỉnh thoảng thu hái	28	3	18,00	27,00	5,40	151,20
Hộ ít tham gia thu hái	25	0,5	3,00	4,50	0,90	22,50
Tổng số	62		141,00	211,50		497,70

Mỗi năm, lượng trà Dung thu hái ở Vân Canh là 497,7 tấn trong 6 tháng mùa hè và mùa thu. Trung bình mỗi ngày trong thời gian này, lượng trà Dung thu hái được là 2,73 tấn.

1 - Người thu gom:

Hiện nay, có khoảng 4 người có hoạt động ³¹ gom trà Dung thường xuyên tại Vân Canh. Độ tuổi trung bình của người thu gom là 30,2 tuổi, và nam giới chiếm đa số (75%). Hình thức giao dịch phổ biến là qua điện thoại và gặp gỡ trực tiếp, không có hợp đồng mua bán.

Các hộ thu hái thường báo trước thời gian thu hái và hẹn người thu gom đến nhận sản phẩm chủ yếu qua điện thoại. Sau khi thu gom trà tươi, người ¹³ gom tập kết trà về địa điểm của cơ sở chế biến. Các giao dịch cũng được thực hiện thông qua điện thoại và việc mua bán không có cơ sở hợp đồng kinh tế, không thỏa thuận đặt cọc trước. Phương tiện vận chuyển sản phẩm của người thu gom chủ yếu là xe máy.

1 - Cơ sở chế biến:

Hiện nay, tại Bình Định có ⁵³ số 7 cơ sở chế biến trà Dung. Trong đó có 5 cơ sở ở Vân Canh, 1 cơ sở ở thành phố Quy Nhơn và 1 ở An Lão.

Lượng thu mua và chế biến của các cơ sở chế biến là 2,6 tấn trà Dung tươi/ngày trong thời gian thu hoạch 6 tháng của năm, chủ yếu là vào mùa hè và mùa thu, chiếm 95,24% tổng lượng ⁷ trà Dung thu hái được ở địa phương. Tất cả các cơ sở chế biến đều đăng ký hình thức hộ kinh doanh, chưa có doanh nghiệp chế biến trà Dung tại Bình Định. Sản phẩm chủ yếu là trà Dung sấy hoặc ⁸⁶ phơi khô (12/12 cơ sở chế biến), trà túi lọc (1/12 cơ sở chế biến). Riêng cơ sở chế biến Nguyễn Cảnh Duy có thêm 2 mặt hàng mới là bột trà Dung và trà Dung ngâm mật ong. Diện tích khu ⁷⁹ chế biến của một cơ sở trung bình là 250 m². Số lao động làm việc thường xuyên ở các cơ sở chế biến là 32 ⁷ người, lao động thời vụ là 37 người. Người mua của các cơ sở chế biến đa dạng, bao gồm: người bán si ở địa phương và ngoài tỉnh, người bán lẻ trong tỉnh và ngoài tỉnh, người tiêu dùng trong tỉnh và ngoài tỉnh. Các giao dịch mua trà Dung nguyên liệu và bán trà Dung đã qua chế biến ¹¹³ được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận miệng hoặc trực tiếp hoặc qua điện thoại và trên trang web, facebook, zalo bán hàng, không có sử dụng hợp đồng mua bán.

- Người bán si và bán lẻ:

⁸ Nguồn: Khảo sát và tính toán của các tác giả

Người bán si trà Dung kinh doanh ở trên địa bàn ⁷ tỉnh Bình Định hoặc ngoài tỉnh. Họ mua trà Dung từ người thu gom và cơ sở chế biến. Trà Dung tươi mua từ người thu gom và người bán si chế biến đơn giản (phơi khô) trước khi bán cho người bán lẻ và người tiêu dùng, tuy nhiên lượng trà do họ tự chế biến này rất ít, chỉ chiếm 3,24% trong tổng số trà Dung họ mua đi bán lại. 96,76% trà Dung ¹ do người bán si đảm nhận là lá trà Dung khô của các cơ sở chế biến.

Người bán si bán 82,7% lá trà Dung mua được cho người bán si ¹² người tiêu dùng cuối cùng. ³ Hình thức bán là giao dịch trực tiếp hoặc online, các giao dịch đều không có hợp đồng kinh tế hay đặt cọc trước. Người bán si là cá nhân, hộ kinh doanh, hoặc là doanh nghiệp.

Người bán lẻ các mặt hàng trà Dung khá đa dạng: các hộ kinh doanh lá trà dung và các sản phẩm từ nông thôn (phần lớn bán trực tiếp ở nhà hoặc online, không có cửa hàng), các cửa hàng bán sản phẩm khô dọc đường phố hoặc kiot trong chợ, các siêu thị, các shop đặc sản địa phương, ... Thông thường người bán lẻ trà Dung bán đa dạng các sản phẩm khác, phần lớn là nữ (chiếm 85%). Lượng tiêu thụ trung bình 20 kg trà Dung ¹ mỗi tháng. Các sản phẩm có bao bì nhãn mác của cơ sở chế biến, của nhà bán si hoặc không có nhãn mác. Định lượng từ túi 200 gr đến 1kg. Mức giá bán rất khác biệt giữa những nhà bán lẻ khác nhau.

⁷ Các cơ sở chế biến cũng có các hoạt động bán lẻ trực tiếp đến người tiêu dùng, chiếm 11,75% lượng sản phẩm của họ. Với những sản phẩm mới như bột trà Dung, trà Dung ngâm mật ong, tỉ lệ bán lẻ cao, chiếm 65% lượng của các mặt hàng này.

- Người tiêu dùng trong nước và nước ngoài:

Trà Dung là một loại dược liệu lành tính có thể chế biến đơn giản làm ⁶² thức uống và giải khát hàng ngày. Ngày càng nhiều người Việt Nam ưa thích và sử dụng các sản phẩm từ trà Dung. Bên cạnh ⁹⁷ sản phẩm trà Dung bột đang được phát triển đáp ứng nhu cầu giải khát, chế biến thức ăn và làm đẹp. ¹⁰² Người cơ sở chăm sóc da, làm đẹp mua bột trà Dung để phục vụ khách hàng của mình. Nhiều quán ăn, quán cà phê sử dụng trà Dung để phục vụ khác thay cho nước lọc hoặc nước trà (xanh, khô) do giá rẻ, vị trà thanh ngọt nhẹ, mùi thơm, màu vàng đẹp và lâu bị ôi thiu. Dù rằng bằng những con đường khác nhau, sản phẩm trà Dung đã được biết đến, mua và sử dụng bởi

người tiêu dùng nước ngoài (Việt Kiều, người Trung Quốc và Ấn Độ, ...) tuy nhiên, lượng tiêu thụ không đáng kể.

Sản phẩm chủ yếu là trà Dung sấy khô (7/7 cơ sở chế biến), do vậy, trong nghiên cứu này, nhóm tác giả tập trung vào chuỗi giá trị trà Dung sấy khô. Khảo sát của các tác giả bắt đầu từ các cơ sở

chế biến trà Dung tại Vân Canh, theo các liên kết chuỗi xác định được các tác nhân trước và tiếp theo trong chuỗi, tỉ lệ phân phối sản phẩm đầu ra và giá cả trung bình của các tác nhân tham gia chuỗi giá trị trà Dung được khảo sát, tính toán và tổng hợp trong Bảng 4.

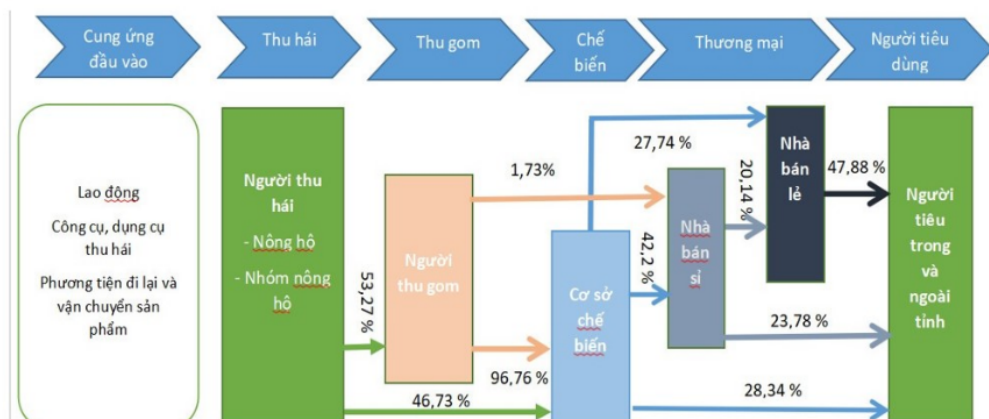
Bảng 4. Phân phối sản lượng và giá bán trung bình qua các tác nhân trong CGT trà Dung sấy khô.

Tác nhân A	Phân phối sản phẩm đầu ra			Giá bán lá trà Dung tươi/sấy khô TB (đồng)	
	Người mua của A	Tỉ trọng sản lượng phân phối từ A (%)	Tỉ trọng sản lượng phân phối trong toàn chuỗi (%)	Giá bán cho từng người mua	Giá bán trung bình
Người thu hái	Người thu gom	53,27	53,27	4.500	4.850,48
	Cơ sở chế biến	46,73	46,73	5.250	
	Tổng	100	100		
Người thu gom	Cơ sở chế biến	96,76	51,54	6.000	6.016,20
	Người bán si địa phương	3,24	1,73	6.500	
	Tổng	100	53,27		
Cơ sở chế biến	Người bán si địa phương	23,62	23,21	25.850	44.034,76
	Người bán si ngoài tỉnh	19,32	18,99	40.725	
	Người bán lẻ địa phương	10,80	10,62	35.600	
	Người bán lẻ ngoài tỉnh	17,42	17,12	35.600	
	Người tiêu dùng địa phương	22,21	21,83	65.500	
	Người tiêu dùng ngoài tỉnh	6,62	6,51	82.500	
	Tổng	100	98,27		
Người bán si	Người bán lẻ địa phương	21,55	9,47	45.700	88.089,40
	Người bán lẻ ngoài tỉnh	24,30	10,67	111.325	
	Người tiêu dùng địa phương	30,11	13,23	57.125	
	Người tiêu dùng ngoài tỉnh	24,04	10,56	141.383	
Người bán lẻ	Tổng	100	43,92		117.338,40
	Người tiêu dùng địa phương	52,48	25,13	85.500	
	Người tiêu dùng ngoài tỉnh	47,52	22,75	152.500	
	Tổng	100	47,88		
Tỉ lệ mua và giá mua trung bình của người tiêu dùng					
Người tiêu dùng	Người tiêu dùng địa phương	60,18	60,18	72.009	98.330
	Người tiêu dùng ngoài tỉnh	39,82	39,82	138.113	
	Tổng	100	100,00		

Bên cạnh các tác nhân chính, trong chuỗi giá trị cây trà Dung còn có sự tham gia hỗ trợ của UBND huyện Vân Canh, Trung tâm khuyến nông huyện Vân Canh, Hội Phụ nữ huyện Vân Canh,

Nguồn: Khảo sát và tính toán của các tác giả Công ty TNHH MTV Dược liệu hữu cơ BIDIPHAR, Hội nông dân, HTX nông nghiệp, các chức tin dụng, Khoa Khoa học tự nhiên - Trường đại học Quy Nhơn.

Các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan đoàn thể (UBND huyện Văn Canh, Trung tâm khuyến nông huyện Văn Canh, Phòng NNPTNT Huyện Văn Canh, UBND xã Canh Liên...)



Trường, Viện, Trung tâm nghiên cứu, các doanh nghiệp, HTX và tổ chức tín dụng (Cơ sở sản xuất Nguyễn Cảnh Duy, Khoa Khoa học tự nhiên- Trường đại học Quy Nhơn, ...)

Hình 1. Sơ đồ chuỗi giá trị cây trà Dung tại huyện Văn Canh, tỉnh Bình Định

Nguồn: Khảo sát và thiết kế của các tác giả

Sơ đồ chuỗi giá trị cho thấy, ngoài người thu hái trà Dung và người tiêu dùng có tổng đầu ra và tổng đầu vào là 100% theo nguyên tắc lập sơ đồ chuỗi, tác nhân cơ sở chế biến có ảnh hưởng quan trọng đến sản xuất và phân phối sản phẩm của chuỗi, đảm nhận đến 96,67 % lượng trà Dung do các nông hộ thu hái. Một tỉ lệ rất nhỏ sản phẩm thu hái được thu mua bởi người bán sỉ, điều này cho thấy khi công nghệ sản xuất đơn giản, các tác

nhân thương mại có thể tham gia dễ dàng vào khâu sản xuất. Đây là áp lực cho các cơ sở sản xuất (bởi nguy cơ gia nhập ngành lớn). Khi nhu cầu thị trường lớn, tăng trưởng nhanh, tỉ suất sinh lợi cao thì việc gia nhập sẽ gia tăng.

Có thể thấy, chuỗi giá trị cây trà Dung khá đơn giản với các kênh phân phối sau:

Người thu hái => Người thu gom => Cơ sở chế biến => Người bán sỉ => Người bán lẻ => Người tiêu dùng
 Người thu hái => Cơ sở chế biến => Người bán sỉ => Người bán lẻ => Người tiêu dùng
 Người thu hái => Cơ sở chế biến => Người bán lẻ => Người tiêu dùng
 Người thu hái => Cơ sở chế biến => Người tiêu dùng
 Người thu hái => Người thu gom => Cơ sở chế biến => Người bán lẻ => Người tiêu dùng
 Người thu hái => Người thu gom => Cơ sở chế biến => Người tiêu dùng

3.3. Phân tích kinh tế chuỗi giá trị cây trà Dung tại Văn Canh

3.3.1. Phân tích doanh thu, chi phí, giá trị gia tăng và lợi nhuận của người thu hái trà Dung

Hiện nay, ở Văn Canh có khoảng 62 người thu hái trà Dung hàng hóa, tập trung chủ yếu ở Làng Cát nơi có nhiều diện tích chè Dung nhất. Trong đó, có 9 người thu hái thường xuyên và xem công

việc thu hái trà Dung là công việc làm chính. Số ngày thu hái trung bình trong 1 tháng là 20 ngày. Bên cạnh đó, có 28 người thỉnh thoảng tham gia thu hái với 3 ngày thu hái/tháng và 25 người ít khi tham gia thu hái, trung bình 2 tháng họ mới đi thu hái 1 lần (ngày). Người đi thu hái phần lớn là nam giới, vào thời gian thu hái tập trung (khoảng 3 tháng) sẽ có thêm 1 người nữa trong gia đình tham

gia, nên số công trung bình cho 1 ngày thu hái của 1 hộ là 1,5 công lao động. Vì thu hái thường xuyên nên họ có kinh nghiệm làm việc. Một ngày thu hái trung bình 5 bao loại 50kg trà Dung tươi so với người thu hái không thường xuyên là 4 bao.

89

Doanh thu, chi phí và thu nhập ròng của người thu hái tính cho 1 năm (6 tháng) làm công việc thu hái trà Dung được tập hợp và tính toán như trong Bảng 5.

Bảng 5. Doanh thu, chi phí và thu nhập ròng cho 1 hộ làm nghề thu hái trà Dung tại Vân Canh trong 1 năm

STT	Nội dung	DVT	Số lượng TB	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
I	Chi phí thu hái trà Dung trong một năm				32.907.500
1	Vật tư, công cụ dụng cụ sản xuất				1.500.000
	Dao, kéo, dây, bao ...	bộ	6	100.000	300.000
	Bao, dây	cái	24	50.000	1.200.000
4	Vận chuyển				6.207.500
	Chi phí xăng dầu	lít	21,58	25.000	539.500
	Khấu hao xe (2 tr/năm)	VNĐ	1,52	2.150.000	3.268.000
	Công vận chuyển (1h công cho 1 ngày công thu hái) ngày/20 ngày trong 1 tháng	công	12,0	200.000	2.400.000
5	Công lao động				25.200.000
	Cắt lá, cành	công	120,0	200.000	24.000.000
	Xử lý khu vực thu hái, phát tán trái cây trà Dung	công	6,0	200.000	1.200.000
II	Doanh thu				174.617.280
1	Lá trà Dung tươi	kg	36.000	4.850,48	174.617.280
III	Lợi nhuận thu được trong 1 năm				141.709.780

Tổng chi phí cho hoạt động thu hái của hộ trung bình là 32.907.500 đồng. Lượng sản phẩm thu hái được của hộ trong một năm là 36 tấn, giá bán trung bình là 4.850,48 đồng/kg cho thu nhập ròng của 1 hộ thu hái cao là 141.709.780 đồng, mức thu nhập bình quân trên người là 94.73.187 đồng. Nếu tính trên tháng có hoạt động thu hái thì mức thu nhập hàng tháng của 1 người thu hái là 15.745.531 đồng. Đây là mức thu nhập rất cao so với thu nhập trung bình của dân cư ở Vân Canh hiện nay là 2.766.200 đồng.³

Chi phí thấp, đầu tư của người dân không đáng kể, 100% người thu hái không cần vay vốn từ ngân hàng hay các tổ chức tín dụng khác, hoạt động thu hái không cần quy trình kiến thức hay trình độ chuyên môn nên phù hợp với đồng bào dân tộc thiểu số. Quá trình thu hái, kỹ năng thu hái và tư duy thị trường của người dân được nâng cao hơn, các kỹ năng giao tiếp mua bán cũng dần được cải thiện.

Bảng 6. Giá trị gia tăng và giá trị gia tăng thuần của các tác nhân trong các kênh thị trường chính của CGT sản phẩm lá trà Dung sấy khô từ Vân Canh

Nguồn: Khảo sát và tính toán của các tác giả

3.3.2. Giá trị gia tăng và giá trị gia tăng thuần của các tác nhân trong các kênh thị trường chính của chuỗi giá trị cây trà Dung tại Vân Canh

Đối với sản phẩm trà Dung sấy khô tiêu thụ chính (có lượng tiêu thụ lớn nhất) qua 3 kênh sau:

Kênh 1: Người thu hái => Người thu gom => Cơ sở chế biến => Người bán sỉ => Người bán lẻ => Người tiêu dùng

Kênh 2: Người thu hái => Cơ sở chế biến => Người bán sỉ => Người tiêu dùng

Kênh 3: Người thu hái => Cơ sở chế biến => Người tiêu dùng

Từ các kết quả phân tích tương tự về doanh thu, chi phí, GTGT, GTGTT cho các tác nhân trong chuỗi giá trị sản phẩm trà Dung sấy khô, tác giả đã tập hợp và phân tích sự phân phối GTGT và GTGTT của các tác nhân trên các kênh thị trường chính của chuỗi cụ thể được trình bày trong Bảng 6 như sau:

Việc phân tích GTGT và GTGTT được tạo ra của các tác nhân trong các kênh thị trường chính của GT sản phẩm lá trà Dung sấy khô từ Vân Canh tỉnh chỉ 1 kg sản phẩm cuối cùng cho thấy người bán sỉ là người có lợi ích toàn bộ cao nhất, nhận được GTGTT từ 41,02% đến 64,45% trên tổng GTGTT toàn kênh. Điều này cho thấy trên thị trường cạnh tranh mạnh, người kinh doanh thương mại và có ưu thế về thương hiệu, về các công cụ Marketing đang nắm ưu thế. Đây cũng chính là lý do các cơ sở sản xuất cố gắng nắm giữ kênh tiếp cận trực tiếp người tiêu dùng để có lợi nhuận cao hơn.

Người thu hái và người thu gom có tỉ suất lợi nhuận thấp nhất, điều này cho thấy mục tiêu vì lợi thế của người nghèo, người yếu thế trong tiếp cận và tham gia chuỗi chưa thực hiện tốt. Để tăng cơ

Nguồn: Khảo sát và tính toán của các tác giả

hội thị trường, tăng thu nhập, đồng bảo đảm dân tộc thiểu số tại Vân Canh cần được tập huấn và hỗ trợ để phát triển các cơ sở chế biến và bán hàng cho các sản phẩm của địa phương mình.

Các cơ sở chế biến có tỉ suất lợi nhuận cao hơn khi tham gia vào các kênh bán hàng trực tiếp, vì vậy, cùng với việc nâng cao năng lực sản xuất, các cơ sở cần đầu tư hơn cho năng lực Marketing, cải thiện hiệu quả bán hàng của mình.

3.4. Hiệu quả đầu tư của các tác nhân tham gia CGT cây trà Dung trên địa bàn huyện Vân Canh

Từ các phân tích giá trị gia tăng và giá trị gia tăng thuần của các tác nhân trong các kênh thị trường chính của CGT sản phẩm lá trà Dung ở Vân Canh có thể tính được hiệu quả đầu tư của họ như trong Bảng 7.

Bảng 7. Hiệu quả đầu tư của các tác nhân tham gia chuỗi giá trị cây trà Dung ở huyện Vân Canh

Tác nhân	Tỷ suất sinh lời/Chi phí	Số vòng quay vốn/năm	Tỉ suất sinh lời/Chi phí/năm	Lãi suất ngân hàng/năm (Agribank)
Hộ thu hái	4,306	120	516,757	0,053
Người thu gom	0,142	24	3,405	0,053
Cơ sở chế biến	0,763	1	0,763	0,053
Người bán sỉ	1,140	2	2,280	0,053
Người bán lẻ	0,763	4	3,053	0,053

Nguồn: Khảo sát và tính toán của các tác giả

Các hộ thu hái ở Vân Canh có hiệu quả sử dụng chi phí cao nhất, cứ 1 đồng chi phí bỏ ra cho hoạt động thu hái cho 4,31 đồng giá trị tăng thêm. Hoạt động khai thác dựa vào tài nguyên tự nhiên đang mang lại nguồn lợi lớn cho các nông hộ ở xã Vân Liên. Tuy nhiên, để duy trì nguồn lợi này, ngoài

kinh nghiệm phát tán hạt trà Dung để nhân vùng nguyên liệu trong điều kiện tự nhiên, các hộ dân có thể tiếp cận các phương thức canh tác, nhân rộng và quản lý nguồn tài nguyên này cho hoạt động khai thác và sản xuất bền vững.

Mức sinh lợi cho các cơ sở chế biến vẫn thấp hơn

Khoản mục	Người thu hái	Người thu gom	Cơ sở chế biến	Người bán sỉ	Người bán lẻ	Tổng
Kênh 1: Người thu hái => Người thu gom => Cơ sở chế biến => Người bán sỉ => Người bán lẻ => Người tiêu dùng						
	3,5 kg	3,5 kg	1 kg	1 kg	1 kg	1 kg
Giá bán (1)	15.750,00	21.000,00	32.543,75	80.481,25	117.338,40	
CPTG (2)	749,34	17.655,75	20.168,07	38.911,18	69.512,37	
GTGT (3)	15.000,66	3.344,25	12.375,68	41.570,07	47.826,03	
CPTT (4)	2.450,00	784,88	3.823,33	2.251,06	4.021,38	
GTGTT (5)	12.550,66	2.559,37	8.552,35	39.319,01	43.804,65	106.786,05
% GTGTT (6)	11,75	2,40	8,01	36,82	41,02	100,00
Kênh 2: Người thu hái => Người thu gom => Cơ sở chế biến => Người bán sỉ => Người bán lẻ => Người tiêu dùng						
	3,5 kg	3,5 kg	1 kg	1 kg	1 kg	1 kg
Giá bán (1)	18.375,00		42.301,17	94.531,40		
CPTG (2)	749,34		20.168,07	38.911,18		
GTGT (3)	17.625,66		22.133,10	55.620,22		
CPTT (4)	2.450,00		3.823,33	2.251,06		
GTGTT (5)	15.175,66		18.309,77	53.369,16		86.854,59
% GTGTT (6)	17,47		21,08	61,45		100,00
Kênh 3: Người thu hái => Người thu gom => Cơ sở chế biến => Người bán sỉ => Người bán lẻ => Người tiêu dùng						
	3,5 kg	3,5 kg	1 kg	1 kg	1 kg	1 kg
Giá bán (1)	5.250,00		69.403,37			
CPTG (2)	749,34		20.168,07			
GTGT (3)	4.500,66		49.235,30			
CPTT (4)	2.450,00		3.823,33			
GTGTT (5)	2.050,66		45.411,97			47.462,63
% GTGTT (6)	4,32		95,68			100,00

các tác nhân thương mại, do vậy, địa phương cần ³⁴ liên cứu các phương thức đồng bộ để hỗ trợ phát triển các cơ sở chế biến, nhất là các cơ sở do người đồng bào thiểu số tham gia làm việc hoặc làm chủ.

3.5. Phân tích các mối liên kết trong chuỗi ¹⁶

Phân tích liên kết không chỉ giúp xác định người hay tổ chức nào liên kết với nhau mà còn xác định nguyên nhân của những liên kết này và lợi ích mà quan hệ liên kết ⁷¹ mang lại. Việc xác định lợi ích/không lợi ích có ý nghĩa quan trọng trong việc tìm hiểu những vấn đề cản trở việc tăng cường lòng tin và sự liên kết giữa các tác nhân tham gia chuỗi.

Từ góc độ của người nghèo, việc cùng cố các liên kết, lập cơ chế ⁸ hợp đồng có thể giúp họ vượt qua những cản trở, khó khăn khác từ khâu sản xuất, thu hoạch, vận chuyển; giúp họ cải tiến chất lượng, khai thác và sử dụng hiệu quả các thông tin thị trường.

³⁷ Các tác nhân tham gia chuỗi được hỏi một số câu hỏi để là rõ các khía cạnh sau:

- Cần phải làm rõ: Có tồn tại các mối liên kết không? Phạm vi của các mối liên kết này? Mức độ thường xuyên liên lạc? ¹²³ Mức độ chính thức của các liên kết? ¹ Mức độ tin tưởng trong các liên kết như thế nào?

¹⁰ Những câu hỏi thêm để cho thấy sự phát triển: Những liên kết này đã tồn tại bao nhiêu lâu? Tính chính thức của liên kết thay đổi hay tiến triển như thế nào? Tỷ lệ mở rộng mối liên kết theo thời gian là bao nhiêu?

⁹⁰ Câu hỏi “có liên kết” hay không “liên kết”, tỷ lệ những người tham gia khảo sát trả lời “có liên kết” 45,28% cho thấy chuỗi giá trị cây trà Dung tại Vân Canh có chưa phát triển đa dạng các ¹⁷ liên kết. Tỷ lệ có quan hệ liên kết cao nhất ở các ¹² sở chế biến (80,15%) trong đó có liên kết với các tác nhân chính và cả các tác nhân hỗ trợ. Người thu hái và người bán lẻ có ít liên kết nhất (20,25% và 23,88%).

Về chất lượng các liên kết, tác giả sử dụng 2 tiêu chí đánh giá: “mức độ chính thức” và “mức độ tin tưởng”. Thứ ¹ kê “mức chính thức và mức độ tin tưởng trong liên kết của nông hộ với các tác nhân chính từ ⁸ quan hệ mua bán và lượng hóa các mức độ để đánh giá về chất lượng liên kết cho thấy:

- 87,42% các liên kết được thực hiện thông qua gặp trực tiếp; 12,58% qua các kênh online;

- 95,7% các giao dịch mua bán không dựa trên cơ sở hợp đồng kinh tế; trong đó có 12,85% có thỏa

thuận miệng và đặt cọc trước; 82,85% là hoàn toàn không chính thức. Các giao dịch của những người thu hái đều là hoàn toàn không chính thức;

- Mức độ tin tưởng trung bình trong các liên kết của các tác nhân với đối tác liên kết của mình là 2,15/5. Cao nhất là người thu hái 4,3/5; thấp nhất là người bán lẻ: 1,84/5.

Các hộ thu hái có mức độ liên kết thấp nhất, các liên kết đều không chính thức nhưng lại có sự tin ¹ cậy cao nhất vào các tác nhân liên kết với mình. Điều này cho thấy họ có khả năng rủi ro cao trong các quan hệ liên kết này.

4. BÀN LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHUỖI GIÁ TRỊ CÂY CÀ TRÀ DUNG TẠI HUYỆN VÂN CANH, TỈNH BÌNH ĐỊNH ¹

4.1. Bàn luận

Cây trà Dung là loại cây dược liệu công nghiệp dài ngày phù hợp ³ với thổ nhưỡng đất trên địa bàn huyện Vân Canh. Việc ⁶ phát triển chuỗi giá trị cây trà Dung tại Vân Canh phù hợp với chủ trương của Chính phủ (Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và ⁶ phát triển bền vững); phát triển cây/con dược liệu (Thực hiện Quyết định số 1976/QĐ-TTg ngày 30/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển dược liệu đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030).

Tại huyện Vân Canh, chính ¹³ quyền và các cấp, ban ngành đều có sự quan tâm ¹⁷ nh hưởng, hỗ trợ phát triển, đầu ⁴³ tư thu hái, phát triển vùng trồng ¹¹ trà Dung, đầu tư mới và nâng cấp các cơ sở sản xuất chế biến các sản phẩm đa dạng và có chất lượng từ cây trà Dung.

¹ Phân t ²⁹ chuỗi giá trị cây trà Dung tại huyện Vân Canh cho thấy địa phương có nhiều điều kiện ³ thuận lợi về tự nhiên, kinh tế xã hội và dân số để phát triển chuỗi giá trị cây trà Dung tại huyện Vân Canh. Cây trà Dung mang lại thu nhập trung bình hàng năm 94,73 triệu trên một người chuyên thu hái; 141,7 triệu đồng trên một hộ ¹ chuyên thu hái; 49,54 triệu đồng cho người chuyên thu gom ở ⁴¹ địa phương. Các cơ sở chế biến cung cấp cơ hội việc làm cho hơn 50 lao động ở địa phương với mức ²¹ nhập trung bình 5,7 triệu đồng/người/tháng. Sự hình thành và ¹ phát triển chuỗi giá trị cây trà Dung ở Vân Canh đã góp phần cải thiện đáng kể thu nhập và mức sống dân cư ở xã Canh Liên. Tuy nhiên, trình độ phát triển hiện nay còn rất thấp dưới mức tiềm năng, và bộc lộ nhiều vấn đề:

- Địa phương ¹⁰¹ chưa có khảo sát và đánh giá tiềm năng vùng được liệu tự nhiên và quy hoạch phát triển nhân rộng vùng trồng trong môi trường tự nhiên để đảm bảo sự phát triển bền vững của chuỗi;

- Hoạt động chế biến tại ³¹ phương chưa phát triển tương xứng với sự phát triển của vùng nguyên liệu. Mức độ chế biến sản phẩm thấp, sản phẩm chủ yếu xuất ở dạng sấy khô nên giá trị thương mại chưa cao.

- Sự phụ thuộc vào tác nhân ⁸ trung gian mại cao, trong điều kiện các liên kết chưa được phát triển trên các nền tảng chính thức (hợp đồng kinh tế), ⁵ hệ thống thu hái, thu gom và cả các cơ sở chế biến đầu tư phát triển vùng trồng, cơ sở vật chất kỹ thuật và công nghệ dựa trên sự tin tưởng vào các liên kết không chính thức tiềm ẩn nhiều rủi ro.

Để chuỗi giá trị cây trà ⁴⁰ phát triển bền vững thì tất cả các tác nhân tham gia chuỗi phải được ¹⁴ đồng lợi theo nguyên tắc liên kết bình đẳng và chia sẻ lợi ích hợp lý. Huyện ⁹⁹ Vân Canh, các tổ chức ban ngành, cơ sở dịch vụ liên quan và các ⁷⁶ nhân tham gia chính cần có sự hợp tác và quyết tâm trong việc ⁸¹ hiện các giải pháp nâng cấp chuỗi đồng bộ và hiệu quả để nâng cao chuỗi giá trị cây trà Dung tại Vân Canh.

4.2. Đề xuất giải pháp

Sau đây là một số đề xuất về giải pháp nâng cao chuỗi giá trị cây trà Dung tại huyện Vân Canh:

4.2.1. Giải pháp quy hoạch

Huyện Vân Canh cần sớm ⁹⁶ tổ chức các hoạt động điều tra, khảo sát để đánh giá ¹⁵ tiềm năng vùng nguyên liệu trà Dung tự nhiên. Trên cơ sở đó có kế hoạch phát ¹¹ nhân rộng vùng trồng với những giải pháp hiệu quả về kinh tế và bảo vệ môi trường sinh thái.

Trên cơ sở quy hoạch phát triển ⁵⁷ vùng nguyên liệu trà Dung tại Vân Canh, xác định ¹² nguồn lực cho phát triển cân đối ²³ đồng bộ các hoạt động chức năng từ đầu tư đến trồng trọt, chế biến và tiêu thụ sản phẩm trên chuỗi giá trị cây trà Dung tại địa phương.

Huyện Vân Canh cần nghiên cứu lồng ghép các chính sách phát triển sản phẩm ¹⁸ nông thôn, chính sách mỗi xã một sản phẩm với các chính ⁴ sách hỗ trợ phát triển các liên kết chuỗi trong sản xuất nông nghiệp, các chính sách hỗ trợ phát triển công nghiệp ¹² khu vực nông thôn để ⁹ hệ thống thu hái trà Dung, các tác nhân thu gom, các cơ sở chế biến và các tác nhân thương mại tham gia chuỗi đều nhận được sự hỗ trợ và động viên, qua đó thúc đẩy sự phát triển một cách cân đối, bền vững và có hiệu quả chuỗi giá trị cây trà Dung ở Vân Canh.

- Vùng nguyên liệu cần phát triển mạnh tại xã Canh Liên và vùng lân cận;

- Vùng chế biến phát triển ở xã Canh Vinh và thị trấn Vân Canh, thành phố Quy Nhơn;

- Các hoạt động thương ¹⁰⁶ mại đầu ra được phát triển lan rộng ở Quy Nhơn, trong tỉnh, trong cả nước và xuất khẩu.

4.2.2. Giải pháp khoa học kỹ thuật

²⁷ Cơ quan quản lý địa phương cần phối hợp với các tổ chức khoa học (trường ¹ đại học/viện nghiên cứu/ doanh nghiệp KHCN) tăng cường các hoạt động tư vấn và tập huấn để các nông hộ và các ¹ nhân khác tham gia chuỗi giá trị cây trà Dung chủ động đầu tư kinh doanh và tham gia các liên kết chuỗi hiệu quả.

Phát huy ¹⁷ kinh nghiệm nhân giống tự nhiên, tổ chức tập huấn những kiến thức ¹⁴ kỹ thuật trồng thu hái và chế biến sản phẩm, tiếp cận thị trường và bán sản phẩm, cho các nông hộ.

Tập huấn các kiến thức và kỹ năng phát triển ¹ giao dịch kinh doanh trên chuỗi, soạn thảo và sử dụng hình thức hợp đồng kinh tế để tăng tính an toàn và bền vững.

- Khuyến khích các cá nhân và doanh nghiệp đầu tư phát triển các cơ sở chế biến, nghiên cứu và phát triển các sản phẩm đa dạng từ cây trà Dung, phát triển các kênh bán sản phẩm đa dạng với sự tham gia của các nhà bán sỉ, bán lẻ cho người tiêu dùng trong nước và nước ngoài.

- Tỉnh Bình ³⁸ Định và huyện Vân Canh cần có sự đầu tư và khuyến khích các cá nhân, tổ chức nghiên cứu khoa ⁵² học, các doanh nghiệp, các cơ sở chế biến đầu tư nghiên cứu và phát triển các sản phẩm từ trà Dung có giá trị thương mại cao như: Bột matcha trà Dung; Cao dịch chiết trà Dung (¹¹¹ phẩm chức năng); Cao định chuẩn trà Dung (nguyên liệu sản xuất thuốc); ...

Các sản phẩm mới đa dạng sẽ giúp phát triển ⁹¹ mở rộng các đối tượng khách hàng, tăng doanh ²⁸ thu nhập cho người thu hái, người trồng, các nhà sản xuất và các tác nhân thương mại tham gia chuỗi.

- Công ty Dược ⁵⁴ và ¹¹⁶ trang thiết bị Y tế Bình Định có thể tiên phong trong việc đầu tư nghiên cứu và phát triển đa dạng các sản phẩm dược liệu có sử dụng trà Dung hoặc các nguyên liệu được chiết xuất từ trà Dung.

4.2.3. Giải pháp thị trường

- Phát triển chuỗi giá trị cây trà Dung tại Vân Canh theo định hướng thị trường. Huyện Vân Canh cần có cơ chế hỗ trợ các tác nhân tham gia

chuỗi theo dõi, ¹¹ ¹⁰⁸ nhật thông tin thị trường, phân tích thị trường và định hướng phát triển các hoạt động đầu tư, trồng trọt, chế biến và cung ứng theo sát với nhu cầu thị trường.

- Huyện cần có chính sách hỗ trợ ¹⁵ ¹⁸ dựng các liên kết sản xuất theo chuỗi khoa học và hợp lý để đảm bảo lợi ích của các tác nhân tham gia, tránh những vấn đề nảy sinh do sự bất cân đối về quyền thương lượng trong các liên kết, đặc biệt là để đảm bảo cơ hội thị trường tốt hơn cho người nghèo, người yếu thế.

- Huyện Vân Canh cũng có thể hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng nhà kho, phân xưởng dùng chung cho nông hộ thuê, mượn để chế biến và dự trữ nguyên ¹¹² trà Dung ngay tại xã Canh Liên. Như vậy, các hoạt động mở rộng vùng nguyên liệu, thu hái và sơ chế có thể được tiến hành ngay tại Canh Liên và các nông hộ tham gia thêm ở khâu sơ chế, có khả năng bảo quản nguyên liệu tốt hơn và nâng dần ¹¹⁹ thương lượng trong quan hệ mua bán với các thương lái hoặc cơ sở chế biến. Nhờ đó, họ có thể nâng giá bán nguyên ²³ trà Dung và hưởng lợi nhiều hơn trong các liên kết chuỗi giá trị.

- Sự tin tưởng của ¹²² đồng hộ trong các liên kết chuỗi cần được ⁵⁰ đặt trên nền tảng pháp lý và kỹ thuật, cần có sự quản lý và giám sát của các cơ quan chức năng để ³⁸ bảo đảm sự an toàn trong đầu tư kinh doanh của đồng bào dân tộc thiểu số, của người nghèo ¹⁸ người yếu thế. Huyện Vân Canh cần có những lớp tập huấn cho các nông hộ về kỹ năng mua bán và ⁷⁰ phản khi tham gia các liên kết chuỗi, sử dụng ²⁷ hình thức hợp đồng để đảm bảo quyền lợi và tránh rủi ro trong sản xuất kinh doanh.

- Tỉnh ¹⁵ Bình Định và huyện Vân Canh cần tăng cường và thực hiện ³¹ bộ các hoạt động quảng bá và truyền thông sản phẩm đặc trưng địa phương: Quảng bá, giới thiệu sản ⁷⁷ phẩm địa phương; Hỗ trợ đăng ký thương hiệu; Hỗ trợ xây dựng chỉ dẫn địa lý để các sản phẩm từ cây trà Dung; ...

Sự kết hợp đa dạng các hình thức ¹⁷ ¹⁵ phương tiện báo chí, hội nghị, hội thảo, mạng xã hội ⁶⁸ ... có thể giúp các sản phẩm từ trà Dung có thể vươn xa hơn đến các thị trường trong nước và xuất khẩu ra nước ngoài.

⁵ 4.2.4. Giải pháp xây dựng và phát triển thương hiệu trà Dung Vân Canh ¹⁸

Đồng thời với việc điều chỉnh quy hoạch, xây dựng và mở rộng vùng nguyên liệu, huyện Vân Canh cần xây dựng hệ thống tiêu chuẩn sản phẩm trà Dung Vân Canh và đăng ký các tiêu chuẩn trồng được liệu tốt, trồng nông sản sạch, ... cho

sản phẩm trà Dung Vân Canh và tăng cường các hoạt ⁸ ⁷² động quảng bá thương hiệu trà Dung Vân Canh trên các phương tiện truyền thông.

Tỉnh Bình Định và huyện Vân Canh cần ¹⁵ ⁶⁴ có chính sách động viên các cá nhân và ¹⁸ chức khởi nghiệp ở địa phương lựa chọn và phát triển các sản phẩm có đặc thù địa phương, ¹⁰⁵ thác các nguyên liệu sẵn có ở địa ¹⁰⁹ phương, sử dụng các kinh nghiệm bản địa trong ²⁷ trồng và chế biến các sản phẩm từ trà Dung để đáp ứng nhu cầu hỗ trợ chữa bệnh cho người dân trong tỉnh, ngoài tỉnh và ở nước ngoài.

4.2.5. Giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp

Huyện ⁹³ Vân Canh nói riêng và tỉnh Bình Định nói chung cần có chính sách khuyến ⁴⁷ ⁶⁴ khích, hỗ trợ cho doanh nghiệp tham gia chuỗi ở các hoạt động chế biến và xuất ⁴⁶ khẩu. Cần cụ thể và rõ ràng minh bạch về những ưu đãi cho doanh nghiệp, cụ thể như: Ưu đãi về thời gian thuê đất; Ưu đãi miễn giảm thuế, phí, ...; Ưu ⁶⁵ đãi về truyền thông quảng bá hình ảnh; Ưu đãi về đào ⁸ tạo về khởi sự kinh doanh, quản trị kinh doanh, khoa học kỹ thuật và công nghệ, ...

⁶⁰ Khuyến khích các doanh nghiệp KHCN tham gia ¹¹ các khâu nghiên cứu và phát triển giống cây, nghiên cứu phát ⁵ triển sản phẩm mới có giá trị thương mại cao, nghiên cứu phát triển công nghệ bằng các giải pháp tài chính, nhân sự cụ thể và thiết thực.

⁴⁶ Khuyến khích các ⁸ doanh nghiệp thương mại tham gia chuỗi, đầu tư và mở rộng hệ thống phân phối, ¹⁰ dụng đa dạng các phương thức Marketing để giới thiệu và bán sản phẩm trà Dung Bình Định trong và ngoài nước.

⁷⁴ 4.2.6. Giải pháp hỗ trợ xây dựng các mô hình liên kết chuỗi

Tại huyện Vân Canh, để nâng cao chuỗi ²⁸ ² trị cây trà Dung, các tác nhân tham gia chuỗi có thể lựa chọn một trong hai hoặc phát triển đồng thời cả 2 hình thức liên kết:

- Hợp đồng liên kết thu mua sản phẩm ¹⁴ ¹⁵ cơ sở chế biến và nông hộ thu hái trà Dung, hợp đồng tiêu thụ sản phẩm giữa cơ sở chế biến và doanh nghiệp thương mại.

¹ - Liên kết có hỗ trợ đầu tư và tiêu thụ sản phẩm giữa doanh nghiệp với nông hộ thu hái và trồng trà Dung.

⁹ Với những đặc thù về tự nhiên và kinh tế xã hội ở Vân Canh và đặc điểm của các tác nhân tham gia chuỗi giá trị cây trà Dung Vân Canh, nên ưu tiên nhiều hơn cho hình thức liên kết thu mua sản

phẩm qua hợp đồng giữa cơ sở chế biến với nông hộ.

Với vùng nguyên liệu trồng, trong hình thức liên kết này, hợp đồng được ký ở thời điểm trồng cây con và ấn định thời điểm thu hoạch, giao hàng, số lượng, yêu cầu chất lượng và giá thành sản phẩm. Doanh nghiệp có thể cung cấp tín dụng, cung ứng vật tư nông nghiệp và tư vấn kỹ thuật cho nông hộ, và doanh nghiệp cũng có quyền từ chối mua sản phẩm không đạt chất lượng.

5. KẾT LUẬN

Cây trà Dung là loại dược liệu phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng và khí hậu ở huyện Văn Canh, tỉnh Bình Định. Đây là loại cây mang lại giá trị kinh tế cao cho nông hộ và các tác nhân của chuỗi giá trị sản phẩm. Các hộ thu hái trà Dung ở Văn Canh bán sản phẩm chủ yếu dưới dạng tươi cho những người thu gom tại địa phương hoặc cơ sở chế biến ở địa phương. Sản phẩm từ cây trà Dung còn đơn điệu, giá trị thương mại thấp, phụ thuộc nhiều vào các tác nhân thương mại.

Dù rằng hoạt động thu hái và chế biến sản phẩm từ cây trà Dung trong thời gian qua đã nhận được sự quan tâm từ chính quyền địa phương trong việc điều chỉnh chính sách, hỗ trợ giống, trợ giúp kỹ thuật cho nông hộ. Nhưng sự đầu tư chưa cân đối, hợp lý giữa các chức năng hoạt động, sự thiếu vững chắc và an toàn trong các liên kết làm nảy sinh một số vấn đề trong quá trình vận hành của chuỗi. Để sản phẩm trà Dung Văn Canh có thể phát huy được tiềm năng và phát triển bền vững trong tương lai, đòi hỏi sự nỗ lực mạnh mẽ và quyết tâm của tất cả các chủ thể trong chuỗi giá trị, cùng với các tổ chức bộ phận có liên quan từ chính quyền địa phương đến các cấp ban ngành phối hợp thực hiện. Từ các kết quả khảo sát và phân tích, đánh giá, các tác giả cũng đã có những bàn luận và đề xuất một giải pháp phát triển và nâng cao hiệu quả chuỗi giá trị cây trà Dung trên địa bàn huyện Văn Canh.

Lời cảm ơn:

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn UBND huyện Văn Canh, UBND xã Canh Vinh, các nhà khoa học thuộc trường Đại học Quy Nhơn, các nhà quản lý và cán bộ kỹ thuật tại Công ty TNHH MTV Dược liệu hữu cơ BIDIPHA, Hội Nông dân và HTX Nông nghiệp Canh Vinh đã hỗ trợ chúng tôi trong quá trình nghiên cứu và khảo sát tại địa phương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Tất Lợi. *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, NXB. Y Học, Hà Nội, 2004.

2. Gupta, M., Karmakar, N., & Sasmal, S. *In vitro antioxidant activity of aqueous and alcoholic extracts of polyherbal formulation consisting of Ficus glomerata Roxb. and Symplocos racemosa Roxb. stem bark assessed in free radical scavenging assays*. *Phytopathology*, 2017, 9.
3. Chi cục Thống kê huyện Văn Canh. *Niên giám thống kê 2023* [Statistical yearbook 2023], Nhà xuất bản Thống Kê, 2023.
4. Anthony Booker a,b, Deborah Johnstona,c, Michael Heinricha. *Value chains of herbal medicines—Research needs and key challenges in the context of ethnopharmacology*. *Journal of Ethnopharmacology*, 2012, 140, pp. 624–633.
5. M. Hishe, Z. Asfaw, M. Giday. *Review on value chain analysis of medicinal plants and the associated challenges*, *Journal of Medicinal plants and the associated challenges*, 2016; 4(3): 45-55.
6. Korrakot Y., Tippayawong, Punnakom Teeratidyangkul, and Sakgasem Ramingwong (2017), *Analysis and Improvement of a Tea Value Chain*, Proceedings of the World Congress on Engineering, Vol II WCE 2017, July 5-7, 2017, London, U.K.
7. Trần Trung Vỹ, Nguyễn Thị Lan Anh và Phạm Thị Lý. *Phân tích các dạng hoạt động trong chuỗi giá trị sản phẩm dược liệu tỉnh Quảng Ninh*, *Tạp chí Khoa học & Công nghệ*, 2018, 186 (10), trang 219-222.
8. Huỳnh Bảo Tuấn, Hồ Phương Hoàng, Trần Thị Cẩm, và Nguyễn Ngọc Kiều Chinh. *Nghiên cứu chuỗi giá trị dược liệu – cây Diệp Hạ Châu*, *Tạp chí Phát triển KH&CN*, 2013, 16(1), Q2, trang 37-45.
9. Ngô Văn Nam. *Nghiên cứu chuỗi giá trị của sản phẩm cây dược liệu làm thuốc tâm tại huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai*, Luận văn thạc sĩ kinh tế, trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội, 2010.
10. Nguyễn Thị Hạnh, Phạm Diệp Toàn, Nguyễn Thị Huỳnh Nhã. *Phân tích chuỗi giá trị cây sả trên địa bàn huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định*, *Tạp chí Khoa học Kinh tế, trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng*, 2021, 9(03), 60-71.
11. Nguyễn Tấn Đạt và Nguyễn Thị Hạnh. *Phân tích chuỗi giá trị cây quế tại huyện An Lão, tỉnh Bình Định*. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Quy Nhơn*, 2023, 17(6), trang 59–74.
12. GTZ. *Cẩm nang ValueLinks - Phương pháp luận để thúc đẩy chuỗi giá trị*, Eschborn, 2007.
13. M4P. *Đánh giá giá trị hiệu quả hơn cho người nghèo - Sổ tay thực hành phân tích chuỗi giá trị*, 2008, www.markets4poor.org.
14. Trang web: <https://vancanh.binhdin.gov.vn>.
15. Saaty. T.L. *The Analytic Hierarchy Process*. McGraw-Hill, New York, 1980.

46%

SIMILARITY INDEX

PRIMARY SOURCES

1	pqikh-htqt.qnu.edu.vn Internet	2013 words — 20%
2	text.123docz.net Internet	168 words — 2%
3	vjol.info.vn Internet	143 words — 1%
4	123docz.net Internet	127 words — 1%
5	tailieu.vn Internet	97 words — 1%
6	baokontum.com.vn Internet	86 words — 1%
7	ipsard.gov.vn Internet	82 words — 1%
8	www.ctu.edu.vn Internet	82 words — 1%
9	www.slideshare.net Internet	68 words — 1%
10	nongthonmoi.gov.vn Internet	60 words — 1%
11	www.zbook.vn	

12	VNUA Publications	51 words — < 1 %
13	luanvan.co Internet	45 words — < 1 %
14	Vietnam National University of Forestry Publications	44 words — < 1 %
15	tmu.edu.vn Internet	44 words — < 1 %
16	luanvanaz.com Internet	43 words — < 1 %
17	bcsi.edu.vn Internet	39 words — < 1 %
18	daklao.dakmil.daknong.gov.vn Internet	39 words — < 1 %
19	vjfs.vafs.gov.vn Internet	39 words — < 1 %
20	www.e-afr.org Internet	36 words — < 1 %
21	thuvienluat.vn Internet	35 words — < 1 %
22	tamnongninhthuan.vn Internet	34 words — < 1 %
23	ueb.edu.vn Internet	33 words — < 1 %

24	Internet	32 words — < 1 %
25	dantocmiennui.vn Internet	31 words — < 1 %
26	sim.hcmut.edu.vn Internet	31 words — < 1 %
27	thuvienphapluat.vn Internet	28 words — < 1 %
28	Ho Chi Minh National Academy of Politics Publications	27 words — < 1 %
29	sj.ctu.edu.vn Internet	26 words — < 1 %
30	b-wto.gov.vn Internet	23 words — < 1 %
31	baoninhbinh.org.vn Internet	23 words — < 1 %
32	Song-Yi Park, Ji-Hoon Bae, Myung-Min Oh. "Manipulating light quality to promote shoot growth and bioactive compound biosynthesis of <i>Crepidiastrum denticulatum</i> (Houtt.) Pak & Kawano cultivated in plant factories", Journal of Applied Research on Medicinal and Aromatic Plants, 2019 Crossref	22 words — < 1 %
33	jstf.hufi.edu.vn Internet	22 words — < 1 %
34	doc.edu.vn Internet	21 words — < 1 %
35	thaoduocminhnhi.com Internet	21 words — < 1 %

36	vietnam.embassy.gov.au Internet	21 words — < 1 %
37	es.scribd.com Internet	19 words — < 1 %
38	quochoi.vn Internet	19 words — < 1 %
39	yduochoaviet.com Internet	19 words — < 1 %
40	Ton Duc Thang University Publications	18 words — < 1 %
41	bnews.vn Internet	18 words — < 1 %
42	quantrinhahangcafe.com Internet	18 words — < 1 %
43	sct.haiduong.gov.vn Internet	18 words — < 1 %
44	ueh.edu.vn Internet	18 words — < 1 %
45	cafeand.vn Internet	17 words — < 1 %
46	csdlkhoahoc.hueuni.edu.vn Internet	17 words — < 1 %
47	docplayer.fr Internet	17 words — < 1 %
48	123doc.org Internet	16 words — < 1 %

49	vov.vn Internet	16 words — < 1 %
50	soha.vn Internet	15 words — < 1 %
51	docplayer.net Internet	13 words — < 1 %
52	tailieunganhang.com Internet	13 words — < 1 %
53	Hanoi National University of Education Publications	12 words — < 1 %
54	chungta.vn Internet	12 words — < 1 %
55	hce.tailieu.vn Internet	12 words — < 1 %
56	neunhuanhbuocden.blogspot.com Internet	12 words — < 1 %
57	nhandan.com.vn Internet	12 words — < 1 %
58	www.dbscl.com.vn Internet	12 words — < 1 %
59	dreamtrips.com.vn Internet	11 words — < 1 %
60	luatvietnam.vn Internet	11 words — < 1 %
61	mayhutamgiadinhs.blogspot.com Internet	11 words — < 1 %

62	proaudio.com.vn Internet	11 words — < 1 %
63	vanban.chinhphu.vn Internet	11 words — < 1 %
64	vancanh.binhdingh.gov.vn Internet	11 words — < 1 %
65	vibonline.com.vn Internet	11 words — < 1 %
66	www.rces.info Internet	11 words — < 1 %
67	www.songcong.gov.vn Internet	11 words — < 1 %
68	www.tuhaohangviet2017.vn Internet	11 words — < 1 %
69	www.vaec.gov.vn Internet	11 words — < 1 %
70	luathongduc.com Internet	10 words — < 1 %
71	minhqldt.wordpress.com Internet	10 words — < 1 %
72	netin.vn Internet	10 words — < 1 %
73	otosaigonforum.blogspot.com Internet	10 words — < 1 %
74	vca.org.vn Internet	10 words — < 1 %

75	www.amaassn.org Internet	10 words — < 1 %
76	www.apex.edu.vn Internet	10 words — < 1 %
77	www.sgtiepthi.vn Internet	10 words — < 1 %
78	zbook.vn Internet	10 words — < 1 %
79	baotayninh.vn Internet	9 words — < 1 %
80	dulich.tnus.edu.vn Internet	9 words — < 1 %
81	fir.vn Internet	9 words — < 1 %
82	hanoiwhattodo.blogspot.com Internet	9 words — < 1 %
83	infonet.vietnamnet.vn Internet	9 words — < 1 %
84	khaosat.me Internet	9 words — < 1 %
85	kurdishstudies.net Internet	9 words — < 1 %
86	lib.yhn.edu.vn Internet	9 words — < 1 %
87	luatduonggia.vn Internet	9 words — < 1 %

88	sites.google.com Internet	9 words — < 1 %
89	stock18.net Internet	9 words — < 1 %
90	thitruongtaichinhhtiente.vn Internet	9 words — < 1 %
91	viettelmoney.vn Internet	9 words — < 1 %
92	vnuf.edu.vn Internet	9 words — < 1 %
93	vtc.vn Internet	9 words — < 1 %
94	www.nafiqad.gov.vn Internet	9 words — < 1 %
95	www.viet-studies.info Internet	9 words — < 1 %
96	www.vnua.edu.vn Internet	9 words — < 1 %
97	baochinhphu.vn Internet	8 words — < 1 %
98	congnghieptieudung.vn Internet	8 words — < 1 %
99	forum.tamnongninhthuan.vn Internet	8 words — < 1 %
100	hdl.handle.net Internet	8 words — < 1 %

101	hethongphapluat.com Internet	8 words — < 1 %
102	hoangtoc.org Internet	8 words — < 1 %
103	lnovel.info Internet	8 words — < 1 %
104	news.viboot.com Internet	8 words — < 1 %
105	nhandan.org.vn Internet	8 words — < 1 %
106	sct.tiengiang.gov.vn Internet	8 words — < 1 %
107	sme.misa.vn Internet	8 words — < 1 %
108	sturcentury.com Internet	8 words — < 1 %
109	tapchicongthuong.vn Internet	8 words — < 1 %
110	tapchitaichinh.vn Internet	8 words — < 1 %
111	text.xemtailieu.net Internet	8 words — < 1 %
112	thitruongtaichinh.vn Internet	8 words — < 1 %
113	tuoitre.vn Internet	8 words — < 1 %

114	vaas.org.vn Internet	8 words — < 1 %
115	vlr.vn Internet	8 words — < 1 %
116	www.ecopharma.com.vn Internet	8 words — < 1 %
117	www.skyscrapercity.com Internet	8 words — < 1 %
118	www.thuvientailieu.vn Internet	8 words — < 1 %
119	www.thuysanvietnam.com.vn Internet	8 words — < 1 %
120	www.vocvach.com Internet	8 words — < 1 %
121	www.wider.unu.edu Internet	8 words — < 1 %
122	Pham T.T., Bennett K., Vu T.P., Brunner J., Le N.D., Nguyen D.T.. "Chi tra dich vu môi truong rung tai Viet Nam: Tu chinh sach den thuc tien", Center for International Forestry Research (CIFOR) and World Agroforestry Centre (ICRAF), 2013 Crossref	6 words — < 1 %
123	Pham T.T., Wong G.Y., Le N.D., Brockhaus M.. "Phân bổ tiền chi trả từ Chi trả dịch vụ môi trường rừng (PFES) ở Việt Nam: B∠ chúng tú các nghién cú đé có th&oum;ng tin giúp bién so&an; các húng dún chi trả", Center for International Forestry Research (CIFOR) and World Agroforestry Centre (ICRAF), 2016 Crossref	6 words — < 1 %

124 Phạm T.T., Nông Nguyễn K.N., Ngô H.C.. "Người mua và dịch vụ môi trường rừng ngập mặn tiềm năng tại Hải Phòng, Việt Nam", Center for International Forestry Research (CIFOR) and World Agroforestry Centre (ICRAF), 2020 6 words — < 1%
Crossref

125 Trần Mai Ước, Vũ Thị Thu Huyền. "HOẠT ĐỘNG KHỞI NGHIỆP Ở VIỆT NAM - MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN", HUFLIT INTERNATIONAL CONFERENCE 2020 ON ENSURING A HIGH-QUALITY HUMAN RESOURCE IN THE MODERN AGE, 2020 6 words — < 1%
Crossref

EXCLUDE QUOTES OFF
EXCLUDE BIBLIOGRAPHY OFF

EXCLUDE SOURCES OFF
EXCLUDE MATCHES OFF